

Số: *1711* /VTVcab

Hà Nội, ngày *30* tháng *10* năm 2023

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN trên BCTC hợp nhất quý 3 năm 2023 của VTVcab thay đổi trên 10% so với cùng kỳ năm trước và chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này.

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức: Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam

Mã chứng khoán: CAB

Địa chỉ: Số 3/84 đường Ngọc Khánh, P.Giảng Võ, Q.Ba Đình, Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 06/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ –SGDHN ngày 29/09/2016 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam (VTVcab) giải trình chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2023 của VTVcab thay đổi trên 10% so với cùng kỳ năm trước và chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này như sau:

CHỈ TIÊU	Quý 3.2023	Quý 3.2022	Chênh lệch	
			Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ % tăng/giảm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	515.929.927.769	632.857.294.527	(116.927.366.758)	-18%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	317.478.013	(317.478.013)	-100%
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	515.929.927.769	632.539.816.514	(116.609.888.745)	-18%
4. Giá vốn hàng bán	417.683.792.719	507.113.031.413	(89.429.238.694)	-18%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	98.246.135.050	125.426.785.101	(27.180.650.051)	-22%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1.694.231.617	1.047.771.129	646.460.488	62%
7. Chi phí tài chính	3.930.466.380	3.758.833.091	171.633.289	5%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>3.555.305.254</i>	<i>3.339.358.350</i>	<i>215.946.904</i>	<i>6%</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	(532.493.137)	(4.331.512.826)	3.799.019.689	-88%

CHỈ TIÊU	Quý 2.2023	Quý 2.2022	Chênh lệch	
			Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ % tăng/giảm
9. Chi phí bán hàng	42.966.815.349	51.227.665.906	(8.260.850.557)	-16%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	77.298.205.365	60.977.725.841	16.320.479.524	27%
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(24.787.613.564)	6.178.818.566	(30.966.432.130)	-501%
12. Thu nhập khác	4.725.060	26.412	4.698.648	17790%
13. Chi phí khác	114.141.337	9.645.352	104.495.985	1083%
14. Lợi nhuận khác	(109.416.277)	(9.618.940)	(99.797.337)	1038%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(24.897.029.841)	6.169.199.626	(31.066.229.467)	-504%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	309.947.519	2.571.707.737	(2.261.760.218)	-88%
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	23.343.165	1.161.551.204	(1.138.208.039)	-98%
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	(25.230.320.525)	2.435.940.685	(27.666.261.210)	-1136%

Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2023 giảm 1136% so với Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2022 của VTVcab.

Trong quý 3 năm 2023, tình hình kinh doanh ngày càng khó khăn làm doanh thu, lợi nhuận của VTVcab và các công ty con đều giảm. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của VTVcab giảm 18% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù, VTVcab đã áp dụng các biện pháp để chi phí giá vốn hàng bán giảm 18%, chi phí bán hàng giảm 16%, tuy nhiên chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 27% so với cùng kỳ năm trước dẫn đến lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2023 của VTVcab đã giảm 1136% so với quý 3 năm 2022, đồng thời chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, TCKT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hoàng Ngọc Huân